

Lê Văn

Chuyện đã ghi trong nhật kí



CHÈN KÍN CÁI CHẴN KHẮP NGƯỜI RỒI MÀ VẪN THẤY LẠNH.

Vinh đang lên cơn sốt. Người nóng ran, mà tung chăn ra lại buốt lạnh. Anh rên hùi hùi từng cơn. Đã hai ngày rồi nằm liệt giường, không sao bước chân ra khỏi nhà.

Trời đã vào đông, rả rích mưa và sập sù gió. Những cơn gió buốt lạnh đang quất ràn rạt vào cái phen nửa đầu hồi. Nước từ mái hiên nhỏ xuống sân, gây nên một âm thanh đều đều, nghe buồn đến nao lòng. Đầu Vinh cứ muốn bung ra vì những cơn đau. Mỗi khi lên cơn, anh cứ muốn lấy cái thắt lưng mà xiết chặt nó lại cho đỡ đau. Trời đất quay cuồng, sầm sập. Lúc đau đớn quá, Vinh cứ chửi mớ hồ cái mảnh pháo tai quái nào đó đang ở trong đầu. Mẹ cha chúng nó, hơn 30 năm rồi, sao vẫn bám đẳng dai vào anh mà hành hạ. Sao mày không nằm ở chân, ở tay, để tao đỡ khổ hơn.

Một mình Vinh vật vã vì những cơn đau trong căn nhà quạnh quẽ. Lúc lên cơn dữ dội quá, còn có hàng xóm đến động viên, săn sóc. Khi những cơn đau chưa đến độ ngiệt ngã, rồi một mình anh chịu đựng, một mình vợ con anh an ủi. Chỉ là an ủi thôi, chứ chẳng ai gánh giùm nổi những cơn đau. Đã bao nhiêu lần, người ta khiêng anh lên bệnh viện trong cơn mê sảng. Lại soi,

lại chụp nhưng chẳng giải quyết được gì. Mảnh đạn cối nằm sâu trong não, không sao mổ được. Tay bác sĩ là bạn chiến đấu của anh, nhiệt tình đến vậy, nhưng đã hết cách rồi. Thà cứ để nó đấy, còn có khi tỉnh táo, nhưng chọc dao kéo vào, nguy cơ cả đời tâm thần là điều khó tránh.

Chưa bảnh mắt, vợ anh đã le te xách giỏ ra đi. Người ta bảo, đau đầu vậy, cứ ăn thật nhiều óc khi sẽ đỡ. Biết vậy rồi, nhưng kiếm đâu ra khi mà lấy óc. Chị nghe ngóng, dò hỏi. Hôm qua có người mách nước, dưới xóm Hạ, ông Sâm Giám đốc lâm trường về hưu, có người đem biếu con khi to lắm. Thật may, khi chị đến thì người ta cũng vừa ra thịt con khi. Nghe chị trình bày, ông Sâm hồ hởi:

- Ô! Chuyện nhỏ, ai chứ tay Vinh là bạn nói khổ với tôi hồi còn tổng ngồng. Tiếc là không mấy khi có khi.

Ở nhà, Vinh vẫn nằm đấy. Anh ló cái đầu ra khỏi chăn, nhìn trần trần lên trần nhà. Cái trần bằng cốt ép lâu ngày, chỗ tụt xuống, chỗ lồi lên, chỗ chuột phá rách nát, mốc vàng một màu đất nham nhở. Trong mơ màng, nhìn cái trần nhà, Vinh mừng tượng như những mảng đất rừng loang lổ vì bom đạn năm nào. Mảng trần nhà mốc thếch ấy đã lôi anh về cái ngày định mệnh. Chẳng nhớ nổi, anh đã nhìn cái trần nhà loang lổ ấy mấy lần để rồi vật vã với kỉ niệm đã qua.

Gió vẫn rít từng cơn buốt lạnh. Mưa khi rả rích, khi ào ạt mù mịt tưới xuống cả khu rừng đã sưng nước. Chỉ có đá núi là vẫn trơ trơ với cái thời tiết khắc nghiệt này, còn tất cả như đã thu mình lại để chống chọi với cái lạnh. Đất rừng nhão nhoẹt sau những trận bom pháo. Từ hậu cứ nhìn lên Đồi Cối,

mờ ảo trong những cơn mưa. Những thân cây trọc lóc, xơ xác, ngả nghiêng trong chiều ảm đạm. Đã có bao nhiêu trận đánh diễn ra trên ngọn đồi nhỏ nhoi ấy. Ta đánh lên làm chủ được dăm ba ngày, lại bị đánh bật xuống. Bị bật xuống rồi, ta lại tổ chức đánh lên làm chủ. Cứ vậy, đôi bên cố giành cho được điểm cao, để rồi Đồi Cối là nơi không biết bao nhiêu lính của đôi bên đã gục xuống. Vinh không nhớ nổi, chỉ biết rằng đối với anh đây là trận cuối cùng. Và với anh, cũng là nơi để lại nỗi đau cả đời. Đau về thể xác, đau vì phải vĩnh biệt một người bạn, mà sau này cứ nghĩ đến là anh lại thấy rùng mình, ớn lạnh.

Trước trận đánh ba ngày, hai trung đội của đơn vị Vinh đã làm chủ được Đồi Cối. Đơn vị đánh xong rồi, tiểu đội Hùng được điều lên chốt. Buổi sáng Hùng lên đỉnh, chẳng hiểu vì linh tính hay sao mà Hùng đã ôm choàng lấy Vinh như chẳng muốn đi. Vinh nhìn cái bóng Hùng ngất ngễ leo dần lên chốt mà lòng se sắt một nỗi buồn. Nếu không tính Vinh, Hùng là thằng sinh viên cuối cùng còn lại trong đơn vị. Chúng nó đã lần lượt ra đi. Đứa vĩnh viễn không bao giờ gặp lại, đứa mang theo nỗi đau thương tích về với người thân. Tiểu đội Hùng lên chốt buổi sáng, thì trưa đến tụi nó bắt đầu giã cối pháo vào chốt. Một ngọn đồi nhỏ nhoi ngần ấy mà có hàng chục khẩu pháo, khẩu cối giã xuống suốt cả buổi chiều, hỏi có gì trụ được. Từ hậu cứ nhìn lên chốt, thấy mù mịt khói đen, trong loang loáng chớp giạt. Ở hoàn cảnh ấy, nếu có những cảm hằm thật kiên cố, còn có chút cơ may sống sót. Tiểu đội Hùng lên đây mới mấy tiếng, làm sao củng cố được hằm hào. Cứ mỗi đợt pháo nã xuống chốt, lòng Vinh như thất lạc. Anh thầm cầu trời phạt phù hộ cho Hùng.

Đã qua trận đánh mấy ngày rồi mà người Vinh vẫn rã rời, mệt mỏi. Người cứ gai gai lạnh. Dầm mưa suốt đêm ấy, rồi quật quả giải quyết thương binh, tử sĩ cho đến sáng ra, thử hỏi sức đâu. Đang chìm trong giấc

ngủ thì ngoài cửa hầm có tiếng gọi giật giọng:

- Dậy, dậy!

Vinh mở choàng mắt, tỉnh như sáo, lúi chúi chui ra khỏi hầm. Cái cảnh đang ngủ bị lôi dậy như thế này anh quen lắm rồi. Không đi bắt liên lạc với tiểu đội trên chốt, thì cũng đi tìm đồng đội mất tích đâu đó; dù là ban ngày, hay ban đêm, dù là nắng ráo, hay mưa tầm tã.

- Anh lấy thêm hai người trong tiểu đội, lên Đồi Cối tìm tiểu đội Hùng. Dịch đánh suốt từ trưa cho đến giờ, không bắt được liên lạc với Hùng, chắc đã hi sinh cả rồi.

Đại đội trưởng vừa như ra lệnh, vừa như thông báo cái tin mà Vinh không mấy ngạc nhiên, nhưng lòng anh đang trào lên một nỗi đau. Cối pháo chà xát vậy, không hy sinh mới là điều lạ. Anh đã cầu trời cầu phật, nhưng chẳng tin vào bất kì một phép màu nhiệm nào ở nơi bom pháo mịt mù này. Chạng vạng tối. Anh và hai chiến sĩ nữa lăm lũi đi về phía Đồi Cối. Bấy giờ, địch thôi không pháo kích. Mưa phùn. Gió lạnh lướt thướt chuôi nhanh vào khe núi. Nhìn lên đỉnh đồi, chỉ thấy một màu mờ đục của mưa, nhấp nhòa trong ánh sáng vàng ệch của những chiếc pháo sáng bắn sớm. Thăng Hà, thăng Hường lẻo đẻo, nhếch nhác bám theo anh. Hà lập cập trong tiếng kêu:

- Lạnh quá anh Vinh ơi!

- Thì tao có phải trâu bò đâu mà không lạnh. Cố lên! Cố mà tìm cho được để về sớm, không lại chết còng trên ấy cả lũ.

Trên đỉnh đồi chưa có địch. Chúng chẳng dại gì kéo quân lên trong đêm, khi ngọn đồi đã tan tành, không hầm hào công sự. Cảnh tượng ngọn đồi sau những trận pháo kích, khủng khiếp quá. Đất đá bị cày xới, còn lên sụp xuống nhăm nhở. Những chiếc hầm bị đánh bật tung lên. Những khúc gỗ lát hầm bị vằm chém xác xơ. Đâu đó, những cái xác nguy được lấp xuống mấy ngày

rồi, lại bị pháo đào lên, hôi thối đến tởm lợm. Chỉ có ba thằng tìm kiếm, chỉ tìm kiếm chủ yếu bằng mắt, bằng linh cảm mà thôi. Không thể đào bới sâu xuống những cạm bẫy, những đoạn hào đã sập. Nhiều nơi không thể tìm được dấu tích của hầm, của hào. Pháo cối đã san bằng địa. Cũng không thể đi lại trên đỉnh đàng hoàng được. Địch ở đồi bên cạnh phát hiện ra là hàng trăm quả pháo lại ập xuống. Cũng may, nhờ ánh pháo sáng mà nhìn rõ hơn.

- Vinh ơi, đây rồi.

Vinh chạy sang phía đông ngọn đồi, nơi Hà và Hường đang đào bới. Hai thằng vừa thở hổn hển vừa đào.

- Đứa nào vậy?

- Chắc là anh Hùng. Cái chân trời lên, em nhận ra. Cái chân dài ngoằng này là của anh ấy, chẳng lẫn vào đâu.

Hùng hi sinh trong chiến hào. Cái đầu chúi xuống. Một chân gác lên thành chiến hào. Chắc là bị sức ép, vì Vinh chưa thấy trên người Hùng một vết thương nào. Hai bàn tay Vinh nhầy nhụa, chẳng biết máu hay bùn nhão. Anh và Hà đưa Hùng nằm trên một vạt đất bằng phẳng hiếm hoi.

Ba tiếng rờn rã đào bới, tìm kiếm, chỉ thấy mình Hùng. Vinh mệt mỏi, rã rời lắc đầu. Anh ngậm ngùi:

- Thôi chúng mày, hết sức rồi. Đưa Hùng mai táng, rồi về báo đại đội, đêm mai lên tìm tiếp...

Vinh vẫn nhắm nghiền mắt lại trong mộng mị, không sao thoát ra được những hình ảnh đã đeo bám lấy anh hơn 30 năm nay. Cái trần nhà vẫn lơ

lửng đấy. Nó vẫn loang lổ, vàng ệch cái màu của đất rừng bị cày xới. Nếu khoẻ lại, anh sẽ giật tung cái trần nhà ma quái ấy chẳng thương tiếc. Không muốn nhìn lên trần nhà nữa, Vinh vùi đầu vào chăn, mặc cho những cơn mộng mị cứ ập đến rồi lại chuôi đi.

...Chiều hôm trước, đơn vị anh tiếp cận dưới chân đồi. Sương giăng mù mịt. Đất dưới chân đồi lành lành như thửa ruộng đã cày bừa chuẩn bị cho vụ đông. Áo quần đưa nào đưa nấy bê bết bùn. Đâu đó có xác chết của tội nguy đã bốc mùi. Trên đỉnh đồi, tội nó đang ló nhô củng cố lại công sự, hầm hào. Những cái bóng cứ lơ lờ trong sương đêm. Dưới chân đồi, những cái bóng vẫn nằm bất động. Hai hàm răng Vinh đang gõ vào nhau cầm cập. Lạnh quá mà run, hay vì hồi hộp chờ đến giờ nổ súng? Cả hai. Đều đặn những chùm pháo sáng tội nó bắn lên, lơ lửng trên đỉnh đồi. Thứ ánh sáng vàng hoe chúng rải xuống cứ chờn vờn, quái dị. Trước một trận đánh, bao giờ cũng là những phút giây im lặng. Một sự im lặng đến gai người. Thà cứ đánh ào đi để cái đầu đỡ căng thẳng, đỡ phải nghĩ ngợi. Đàng này, cứ nằm vậy để cho trăm thứ hỗn độn trong đầu người lính cứ diễn ra. Với Vinh, hình ảnh Hùng tuần trước vẫn không sao dứt ra được. Tướng Hùng bị sức ép mà hi sinh, ai dè...

Một tiếng mìn mỗ inh tai, cùng một quang sáng loá mắt, chói chang. Bắt đầu rồi. Vinh vọt dậy, lao lên cùng đồng đội. Phía sau lưng, tiếng mỗ đạn cối 82 của tội nó phản công đang rượt đuổi. Nếu chậm lại trong giây lát, những loạt cối ấy sẽ trùm lên cả đội hình. Khẩu AK trong tay Vinh cứ giật bắn lên khi anh xiết cò, nhắm vào những tia chớp trên đỉnh. Chắc chắn đấy là một khẩu đại liên. Khi những ánh chớp ấy tắt lịm, cũng là lúc Vinh sụm xuống...

Vinh không nhớ nổi là mình đã qua bao nhiêu trạm phẫu, bao nhiêu bệnh viện sau lần bị thương ấy. Một mảnh đạn cối nhỏ đã ghim vào đầu anh. Chỉ chừng đó thôi, vậy mà hơn ba chục năm rồi Vinh phải sống với những cơn đau vật vã, và nhiều khi phải sống như kẻ tâm thần. Anh đang mơ màng với quá khứ thì ngoài sân tiếng dép xoèn xoẹt, tất tưởi của Xuân - vợ anh đã về. Tiếp theo tiếng nước dội sau giếng, là tiếng vằm chặt trên chiếc thớt gỗ. Vinh chống tay xuống giường, ngồi dậy. Anh lom khom xuống bếp. Cái thớt đặt trên cái mẹt, trên thớt là cái đầu khi. Vinh chống tay vào cửa, đứng nhìn. Từng miếng thịt tươi rói, còn dính ít máu được vợ anh lóc dần ra khỏi cái đầu. Trong Vinh, hình ảnh cái đầu Hùng đêm ấy bất chợt hiện về làm anh rùng mình, ớn lạnh. Cho đến khi nghe một tiếng bốp, ấy là khi Xuân đập cái đầu khi vỡ toác, một mớ óc trắng trắng bắn vọt ra, cũng là lúc Vinh khụy xuống, bất tỉnh.

Nhiều lần Vinh bất tỉnh như vậy lắm rồi nên Xuân đã biết cách xử trí. Chị bế anh đặt lên giường, xoa dầu nóng rồi ủ chăn ấm, ít phút sau là Vinh tỉnh lại. Ấy thế mà lần này, Vinh nằm mê mết, lâu lắm rồi. Trong mê sảng, Vinh chỉ ú ớ lặp đi lặp có mấy tiếng: H...ù...ng ời, ó...c! Cái từ Hùng, từ óc, Xuân đã nghe đâu đó. Cố lục lọi trong trí nhớ và đã tìm được nó nằm ở đâu. Trong nhật kí của Vinh. Cô vào buồng, mở cái rương gỗ quen thuộc. Lật bộ đồ lính lên, Xuân rút từ dưới đáy rương lên hai cuốn sổ nhỏ, rồi đưa ra lật giở từng trang, từng trang tìm kiếm.

"Ngày... tháng...

Đã mấy ngày nay đi vận chuyển lương thực...". Không phải.

"Ngày... tháng...

Những cơn sốt rét đã vắt kiệt sức lực của mình...". Cũng không phải

đoạn này.

Đây rồi. Cái ngày được Vinh nhắc đến nhiều nhất những khi kể chuyện cho con nghe, vậy mà Xuân không nhớ.

"Ngày... tháng...

...Khuya lắm rồi, khi không thể tìm thêm được nữa, bọn mình phải đưa Hùng xuống đồi. Chẳng có quần áo để thay cho Hùng, mình gỡ những mảnh bùn bán lên quần áo cậu ấy. Bảo thằng Hà lấy mũ xuống suối mức ít nước để rửa cái đầu của Hùng đang bê bết đất. Trong ánh đèn pháo sáng, mình nhìn rõ mồn một từng mảng da đầu bị lọc lên, để lộ ra những mảng thịt trắng hếu. Khi rửa sang bên trái, mảnh đất dày bong đi, cũng là lúc óc vọt ra tanh tanh nhầy nhậy..."

Đoạn nhật kí này, anh ấy viết dài lắm, nhưng chỉ đọc đến đây, tự dưng Xuân thấy rùng mình, người đã nổi hết da gà. Cô choáng váng gấp cuốn sổ nhỏ lại, cất vào rương. Xuân lao xuống bếp, thu dọn hết mớ đầu khi đang chặt dở dang, rồi nhét vội vào giỏ mang đi.

Xuân pha một cốc nước chanh ấm, rồi trở ra đỡ Vinh ngồi dậy. Vinh vừa qua một cơn ác mộng. Mặt anh nhợt nhạt, lấm tấm mồ hôi. Uống hết cốc nước, Vinh như thấy tỉnh táo hơn chút ít. Xuân vẫn ôm chặt Vinh, như muốn truyền thêm hơi ấm cho chồng để anh mau tỉnh hơn. Bao nhiêu năm nay cô vẫn làm thế. Vinh ú ớ chỉ tay xuống bếp:

- Cái đầu...óc...

Xuân hiểu ý, trấn an:

- Chẳng có cái gì dưới ấy đâu. Để em dìu anh ra sân cho thoáng.

Ngoài trời mưa đã tạnh. Những vạt nắng mùa đông vàng nhạt đang được rắc đều lên khu vườn nhỏ. Vinh đã thấy ấm áp hơn. Cứ mong cho đến ngày mai khoẻ lại, anh sẽ giật tung cái trần nhà tai quái đã bao lần đẩy anh vào mộng mị với những hình ảnh xa lắc, xa lơ.

Hà tĩnh, cuối tháng 11/2009

Lê Văn

Chuyện về Năm Dũng

Tôi đang ngồi trước cửa hầm ghi neglect ngoạc mấy dòng nhật kí trong tuần thì tay liên lạc đại đội đến từ phía sau vỗ cái đốp vào vai:

- Thôi đi mày, ghi chép cái quái gì. Về sự. Đại đội trưởng gọi mày, lên gặp hầm ông ấy có chuyện đấy.

Tôi gập cuốn sổ lại, nhét vào túi quần rồi lững thững lên hầm đại đội. Trong căn hầm thùng, đại đội trưởng và chính trị viên đang bàn với nhau một việc gì đấy. Thấy tôi vào, chính trị viên lên tiếng:

- Lên rồi hả, đang làm gì dưới đó?

- Tranh thủ khi rảnh, em ghi ít dòng nhật kí chứ có làm gì đâu. Có việc gì vậy anh?

- Ngồi xuống, có việc đấy. Chắc cậu biết cái tay tù binh ta lôi hẳn về mấy

ngày rồi chứ?

- Biết. Đã mấy lần em nói chuyện với nó. Kể cũng tội anh ạ!

Đại đội trưởng vào việc luôn:

- Tội cái nỗi gì, hai thương binh của ta còn nằm đấy chưa chuyển đi được. Còn thằng Năm, bị thương nặng vậy, biết làm thế nào đây. Thả nó đi, không ổn. Đưa nó về tuyến sau, không được. Chúng tôi tính rồi, cũng phải xử lí nó thôi, biết làm như vậy là vi phạm chính sách. Sắp vào chiến dịch, không có người chăm sóc nó nữa đâu. Cậu cử thêm một người nữa đưa nó sang hậu cứ Z.32, bỏ đấy để nó tự liệu lấy thân. Trời thương thì nó sống, không thương cũng đành chịu thôi.

Tuần trước, đơn vị tôi đánh tan tác một trung đội của địch ở đồi Vạt Giang. Một ngày sau trận đánh, hai cậu anh nuôi đưa cơm lên chót, vớ được tay tù binh què. Hắn tên là Năm, bị thương nặng ở chân. Hình như cái chân hắn đã bị gãy nên không chạy được. Máu ra nhiều quá, ngất xỉu sau khi đã trườn được vào một hang đá. Cửa hang tối, lòi nó về rồi cũng phải thuốc men, chăm sóc nó. Thương binh của đại đội cũng đang nằm đấy. Phần là hai cậu bị thương không nặng lắm, phần khác nước sông đang dâng cao. Nhiều lúc thằng Năm quần quai trong cơn đau nhưng không dám kêu. Tay y tá đã nẹp cái chân cho hắn, tiêm kháng sinh, chăm sóc hắn không khác gì với hai thương binh của ta. Người ta hứa sẽ đưa hắn lên bệnh xá trung đoàn để điều trị, vậy là hắn hơn hở, hi vọng.

Tôi bảo mấy thằng trong tiểu đội chuẩn bị cáng, mấy thứ cần thiết cho thằng Năm, như lương khô, ít thuốc kháng sinh, cái điều thuốc Lào, bi đông nước...đủ để nó sống mấy ngày. Gọi thằng Hình đi cùng vì nó khoẻ như trâu, tính khí lại bặm trợn, nghĩ là có nó đi sẽ dứt ra được mà về sớm. Chứ như

tôi, cứ dùng dằng với thằng Năm, chắc không ổn. Hình tay cầm một mảnh vải dài xé ra từ chiếc vỏ chăn, xón xái xuống hầm thằng Năm. Hấn bịt mắt thằng Năm lại rồi dìu lên khỏi hầm. Thằng Năm hỏi hấn:

- Đi đâu vậy anh?

Mặt thằng Hình lạnh như tiền, trả lời nhát gừng:

- Phận mày là tù binh. Đi đâu, hỏi làm gì. Má mày! Biết thân thì im đi.

Thằng Năm sợ, nằm thín thít trên võng. Chắc nó nghĩ là sẽ được đưa đi điều trị. Còn thằng Hình có vẻ đang hận hực vì buộc phải làm một việc bất đắc dĩ.

Mưa đã hơn tuần nay vẫn không ngớt. Con đường từ hậu cứ đại đội tôi sang khu hậu cứ Z.32, đi chừng hai tiếng. Đường lầy lội, trơn tuột như có ai đó đã rưới mỡ lên. Tôi và Hình trầy trật cáng thằng Năm đi. Những khi lên dốc, thằng Năm cứ tuột xuống phía dưới, cái chân bị thương rớt ra khỏi võng. Tôi nghe rõ tiếng nghiền răng kèn kẹt. Biết là nó đang đau đến xé gan, nhưng không dám kêu. Suốt chặng đường dài khổ sở ấy, tôi và thằng Hình không nói với nhau một câu nào. Phần thì mệt, không nói. Phần khác, lỡ nói huyền thuyên một việc gì đó của đại đội, sợ thằng Năm nghe được. Phần nhiều hơn, trong mỗi đứa đang đeo đuổi những suy nghĩ khác nhau về việc đưa thằng Năm bỏ rừng. Tôi cứ đắn vật, thế này là làm phúc hay gây tội đây? Thằng Năm còn trẻ quá. Trốn lính mãi không được. Hấn bị bắt trong một trận càn, rồi bị tống vào quân trường. Ra trận lần đầu, không biết đã bắn được phát nào chưa đã dính. Thả ra đấy liệu có sống được không? Liệu có tìm được đường mà mò về dưới kia hay không?

Thằng Hình ít khi nói ra, nhưng mấy năm sống với nó tôi biết. Hắn xung phong vào lính là để trả thù. Anh trai hắn hi sinh năm bảy mươi ở chiến trường Quảng Trị. Người ta kể, anh hắn đối mặt với một thằng nguy. Thằng nguy nhanh tay hơn, vậy là anh ôm trọn loạt đạn AR.15. Gục xuống rồi, thằng nguy còn bồi thêm mấy phát nữa mới thôi. Anh trai có giấy báo tử được mấy tháng thì hắn nằng nặc xung phong đòi nhập ngũ. Có lẽ trời phù hộ hắn sống để trả thù. Biết mấy trận rồi, thằng Hình đánh như một con trâu điên, vậy mà không dính một lần nào. Còn tôi, khi đi rồi tôi mới nghĩ, cứ thằng Hình đi cùng là mình đã sai lầm. Giữa đường khùng lên, nó liều mà thịt thằng Năm thì khổ. Cái tính nóng như lửa của Hình, cán bộ đại đội lắm lúc cũng ngán, cứ gì tôi.

Khu hậu cứ Z.32 hoang tàn, lạnh lẽo. Nó bị bỏ hoang hơn năm rồi. Những căn hầm sát bờ suối, ngập ngụa nước. Những căn lều tạm bợ, cái sập xuống, cái dây leo phủ kín. Lá mục phủ dày lối đi. Nếu có ai đó, sống một mình ở khu hậu cứ này, chắc rồi cũng phát điên vì sự hoang vắng. Bọn tôi đưa thằng Năm vào một căn lều chưa sập. Trong đó, còn cái sập lát bằng những cây nứa đập dập. Trước khi đi, tôi đã khoác vào người thằng Năm cái chăn thám báo để nó đỡ lạnh, vậy mà giờ nó vẫn run cầm cập. Đến đây rồi, tôi mới dám nói thật với thằng Năm, sau khi đã cởi mảnh vải bịt trên mắt hắn:

- Năm, bọn tao không thể giúp mày được nữa. Mày thấy đấy, thương binh của bọn tao cũng không chuyển đi được. Mày ở lại đây, rồi tìm cách mà về dưới đó.

Thằng Năm trở mặt, trân trân nhìn tôi. Da nó đã xanh xao rồi, nay nhìn mặt nó lại tái mét đi, trông thảm hại quá. Tôi không dám nhìn vào mắt hắn, đôi mắt đang nhoè đi, nhìn tôi cầu cứu:

- Trời ơi, thế này em sống sao nổi. Em van, em lạy các anh! - Vừa kêu nó vừa vớ tay, chỉ vào khẩu súng trên tay tôi - Hay là anh...

Tôi hiểu ý nó:

- Bậy nào, mày phải sống. Sống để về với ba má, về với các em mày. Về được dưới đó rồi, mày sẽ yên ổn. Là thương phé binh rồi, chẳng ai bắt mày đi lính nữa đâu. Cố lên, mày còn trẻ, chết uổng mạng. Biết đâu, hết chiến tranh chúng ta lại gặp nhau ngoài bãi Phá Tam Giang, ở quê mày.

Năm bấu chặt lấy tay tôi, chặt đến nỗi tôi không sao gỡ được để ra đi. Thằng Hình trợn mắt nhìn nó, sợ quá nó bỏ ra, lại nhìn tôi như van lơn. Hình kéo tôi dứt Năm ra, giục:

- Thôi anh, về để chuẩn bị hành quân. Kệ thầy nó, rồi nó tự lo được đấy.

Ra khỏi khu hậu cứ bỏ hoang ấy chừng vài trăm mét, thằng Hình quay lại. Nó bảo:

- Chết cha, khi tháo thắt lưng ra, em bỏ quên quả lựu đạn ở bên nước. Anh đi trước, em sẽ quay lại ngay.

Tôi tin hẳn, dừng lại chờ. Mấy phút sau, nghe phía hậu cứ có tiếng kêu thất thanh. Chắc có chuyện gì đó chẳng lành, tôi hộc tốc chạy ngược lại. Trời đất quỷ thần, Hình đang lăm lăm chĩa súng vào thằng Năm. Tôi hét toáng lên:

- Hình, bỏ súng xuống. Sao mày lại làm vậy? Đồ hèn, mày bắn mấy năm nay rồi chưa chán hay sao.

Hình bỏ súng xuống, khoác vào vai rồi cúi gằm mặt bỏ đi. Chiều hôm đó, vừa chuẩn bị cho cuộc hành quân, nó cứ lăm râm điều gì đó. Tôi nghe không rõ, đoán là nó đang hậm hực chuyện ban sáng mà chữa tôi.

Cả buổi sáng hôm ấy, tôi loay hoay với chuyện thằng Năm. Về hậu cứ lại

tất bật chuẩn bị cho cuộc hành quân hôm sau. Khi xếp mấy thứ cần thiết vào gói, tôi mới sực nhớ ra là đã đánh mất cuốn nhật kí. Buổi sáng dắt vào túi quần, chẳng biết rơi đâu mất. Cả ngày hành quân hôm sau, rồi cả tháng sau đó, tôi cứ ngẩn ngơ tiếc cuốn sổ. Không thể ghi lại được nữa rồi. Sự kiện nửa năm, làm sao có thì giờ rảnh mà ghi lại. Thôi vậy, ghi cuốn khác.

Chiếc xe khách chất lượng cao từ từ lăn bánh, trườn ra khỏi bến xe An Cựu khi đã đủ khách. Lên xe, tôi lựa chiều ngồi sang phía bên trái, để khi chạy về phía Bắc, nhìn được cảnh núi rừng miền Tây Thừa Thiên. Sau ba tư năm rời khỏi Huế, đây là lần thứ tư tôi trở lại. Vào vài ngày rồi tôi lại phải trở ra ngay. Lên xe trở về, tôi muốn ngắm nhìn lại nơi mà hơn ba mươi năm trước chúng tôi đã để lại biết bao chuyện máu và nước mắt. Tôi cứ miên man trong kỉ niệm của một thời. Chiếc xe vẫn nhẹ nhàng lao đi. Hồi ức về những năm tháng ở chiến trường lại nặng nề trườn đến...

Phía sau, có người đập nhẹ vào vai:

- Bác ơi, gần đến bến xe thành phố chưa?

Tôi nhìn sang những dãy nhà đang loang loáng lùi lại phía sau:

- Sắp rồi anh, chừng vài chục cây nữa thôi.

Vừa trả lời, tôi vừa ngoái cổ lại nhìn người khách. Hình như anh ta bị khuyết tật. Phía dưới gầm ghế có cặp nặng bằng Inox, chắc là của anh ta.

Xe vào bến. Thằng cháu đã chờ sẵn ở cửa để rước tôi về nhà nó. Hành khách lục tục ra cửa. Mấy tay xe ôm nháo nhác tranh giành khách. Người khách ngồi sau tôi trên xe, đưa cho tay xe ôm mảnh giấy, rồi khó khăn khi trèo lên chiếc xe Drem cà tàng. Anh ta bị cụt một chân. Chiếc xe chở người khuyết tật lao đi. Đêm đó tôi ngủ lại nhà thằng cháu ở thành phố, sáng mai

sẽ về quê mấy ngày, rồi mới trở lại cơ quan.

Đã nửa năm tôi không về quê. Căn nhà ở quê, thằng cháu đích tôn đang ở. Cha mẹ tôi mất đã lâu. Về lần này là để bàn với chị tôi và mấy đứa cháu xây lại mộ cho ông bà. Chiều qua tôi điện trước, nên sáng ra đã thấy thằng cháu đứng đón đầu ngõ. Còn ở đằng xa, đã nghe nó bô bô:

- Chú về nhanh, trong nhà có khách đang đợi chú.
- Khách nào, họ ở đâu mà đến sớm vậy?
- Ông khách lạ lắm. Ông đến từ chiều qua. Hỏi ông ấy cứ ậm ừ, bảo là đợi chú về rồi sẽ nói.

Nghe thằng cháu kể, đã thấy sốt ruột. Từ ngõ nhìn vào, thấy ông khách đang chống cặp nạng Inox đứng giữa sân. Đúng rồi, chính người khách đi cùng tôi chuyển xe hôm qua, đã vào nhà mình. Lạ thật! Chưa vào tới sân, ông ta đã chào trước:

- Chào anh Quang. Em chờ anh suốt đêm qua.

Tôi ngỡ ngàng trước thái độ hết sức tự nhiên của người khách. Không phải tôi, mà chính ông ta mời tôi vào nhà. Khi hai chúng tôi đã ngồi vào bộ ghế giữa nhà, ông ta giới thiệu:

- Anh Quang không nhớ em sao? Em là là Năm Dũng đây mà.

Thật tình tôi chẳng biết Năm Dũng nào. Lạ hoắc, lạ hươ. Chịu không biết. Hình ảnh người đàn ông trước mặt tôi, trạc gần sáu mươi. Bộ râu quai nón rậm rì, chạy dài từ mang tai xuống đến cằm. Râu cũng rậm rì. Tất cả đều được tỉa tót cẩn thận. Đôi mắt sáng, nhìn chăm chặp tôi như đang muốn nói

điều gì đấy. Năm Dững xoa xoa hai bàn tay vào nhau, cứ lóng nga lóng ngóng, khi nghe tôi bảo là chẳng biết Năm Dững nào cả. Tôi đã cố lục tìm trong ngõ ngách trí nhớ, nào có quen thằng cha Năm Dững nào đâu.

- Chắc anh nhớ nhầm, vào nhầm nhà. Thật tình tôi không biết anh là ai.

- Lâu quá rồi, có thể anh không nhớ, nhưng em thì cả đời không quên anh được. Anh còn nhớ cái ngày anh và anh Hình khiêng em thả vào rừng nữa không?

Tôi giật thót người, kêu toáng lên:

- Trời ơi, thằng Năm! Thằng Năm! Sao mày không nói rõ ngay từ đầu. Không nói rõ là Năm, lại cứ Năm Dững, Năm Dững, tao có biết thằng Dững nào như mày đâu. Mà sao mày biết quê tao ở đây mà mò ra? Mà mày ra đây làm chi?

Tôi thoáng nghĩ đến buổi sáng năm ấy. Chết cha, hay hấn ra để trả thù mình? Đúng là năm ấy tôi khiêng hấn thả rừng. Tôi chẳng muốn làm vậy, nhưng đây là lệnh. Nghĩ đến đây, tôi hơi chột dạ. Bây giờ thì Năm Dững thôi không lóng ngóng nữa. Mặt như dãn ra vì mừng, khi biết tôi đã nhận ra hấn. Nhìn sắc mặt Năm Dững, tôi bình tâm lại. Hấn nói:

- Chuyện dài lắm anh ạ. Ba bảy năm trước em đã biết quê anh. Không những biết quê mà biết cả tên từng người trong gia đình anh. Cho đến giờ, em vẫn nhớ cả tên nhiều người bạn của anh nữa đấy.

Năm Dững càng nói, tôi càng trở mắt ngạc nhiên. Hấn nói, hấn kể không để tôi còn chỗ trống chen vào mà hỏi. Quái lạ, sao thằng cha này biết rành rọt đến vậy?

- Bao nhiêu năm rồi, em định đi. Nhưng anh thấy đấy, chân cẳng thế này, một lần đi một khó. Lần này em quyết đi. Ra để tạ ơn cứu mạng của anh. Ra để giao lại anh vật này - vừa nói Năm Dững vừa vờ tay sang chiếc giường

bên cạnh, lấy cái túi du lịch. Hấn kéo chiếc khoá cái rọc, lôi ra chiếc hộp. Trong giây lát ấy, tôi chẳng đoán ra trong hộp là vật gì. Năm Dũng trang trọng đặt chiếc hộp lên bàn, rồi cũng trang trọng nói như muốn khóc:

- Chính nhờ vật quý này mà em được sống, em nên người như hôm nay. Chưa mở ra chắc anh không nhớ, nhưng vật trong hộp là của anh. Gia đình em đã giữ nó gần bốn mươi năm nay. Cả nhà em xem nó là vật báu - Vừa nói Năm Dũng vừa mở chiếc hộp. Tôi bàng hoàng nhận ra cuốn nhật kí của mình. Năm Dũng tiếp:

- Khi anh và anh Hình đi rồi, em như kẻ mất hồn. Nếu anh quay lại chậm chút nữa, chắc em đã tiêu rồi. Đêm đến, định tìm một vật gì đó để tự tử, nhưng rồi em lại thôi khi nghĩ đến lời động viên của anh. Ngày hôm sau, em thấy cuốn nhật kí của anh nằm ở góc nhà. Chắc là khi dọn dẹp, anh đã đánh rơi nó. Những ngày sau đó, khi tỉnh táo, tò mò em có giờ ra đọc được vài trang, nhưng bao nhiêu năm sau đó, em và cả nhà đã đọc nó. Có lẽ cả vợ em và mấy đứa nhỏ đã thuộc hết cuốn nhật kí này rồi...

Đêm nơi quê tôi thật thanh bình. Những làn gió nam mát rượi đang lùa nùi hương thơm rạ diu diu từ cánh đồng mới gặt vào đầy ắp nhà tôi. Quá nửa đêm rồi mà Năm Dũng vẫn chưa thôi kể tôi nghe quãng đời sau ngày tôi đưa hấn bỏ rừng. Hấn nói, nhờ tôi mà hấn đã vượt qua cơn hiểm nghèo sau lần bị thương năm ấy. Nhờ cuốn nhật kí ấy mà 4 đứa con hấn đã nên người, thành đạt. Không phải hấn nói để lấy lòng tôi, có lẽ cũng quá đi chút ít, nhưng tôi tin những điều hấn nói. Tin vì sau bao nhiêu năm rồi mà hấn vẫn giữ cuốn nhật kí và vẫn lặn lội tìm tôi để giao lại. Tin vì theo hấn kể, bây giờ gia đình

hắn đang sống sung túc ở Huế, 4 đứa con học hành đến nơi đến chốn, đã nên người. Năm Dũng kể về chúng tôi - những người lính phía bên kia 35 năm trước với tình cảm đặc biệt, chẳng gọn chút hận thù. Năm Dũng nói câu cuối cùng, khi giấc ngủ ngon lành đã đến với hắn:

- Anh nhỉ, ngày đó nếu em không bị bắt, chắc đã rục xương trong cái hang đá ấy rồi. Nếu không có anh...

Hà Tĩnh, một ngày đầu năm - 2010

Lê Văn

Ông Tính Trở Về

QUÁN GIẢI KHÁT CỦA BÀ LÀNH NHỎ nhưng sạch sẽ, gọn gàng. Bà Lành đôn hậu, luôn xởi lởi nên quán đông khách. Quán nằm đối mặt với khách sạn Hoàng Nguyên và phía sau lưng là trường cấp 3 của thành phố. Mấy tháng nay, có đứa cháu gái dưới quê lên phụ giúp nên bà cũng nhàn nhõ hơn. Những khi rảnh khách, bà thường ngồi bệ đứa cháu ngoại và ngồi nhìn sang phía khách sạn. Cứ nhìn vậy, chẳng biết trong đầu bà đang nghĩ gì?

Bên ấy có một người khách đã làm bà chú ý. Thấy lạ mà chú ý, chứ bà chẳng có ý gì xấu đâu. Ông khách là lạ ấy đến đây đã ba ngày rồi, mà hình như chẳng đi đâu. Một lần, mới chỉ một lần thôi, ông ấy vào quán của bà.

Ông ta có mái tóc xoắn, rậm rì; cộng với cặp kính đen, bộ ria mép đen càng tôn thêm cái vẻ ngồ ngồ. Ông thường ra ngồi ở một góc của phòng lễ tân, nhìn sang phía đối diện. Sáng thứ tư, ông khách sang đường, lững thững vào quán bà lần thứ hai. Ngồi vào bàn kê ở góc quán, ông gọi một li cafe, cứ nhâm nhi và ngồi mãi đấy như chờ ai, đợi ai. Khách đã vắng, ông gọi bà chủ quán lại và thưa:

- Cảm phiền bà! Tôi muốn nhờ bà chút việc.

- Có việc gì ông cứ nói.

Lưỡng lự giây lát, rồi ông cũng nói rõ ý định của mình:

- Tôi có một người bạn tên là Tân đang dạy trong trường cấp ba. Không tiện vào trường, nhờ bà hỏi giùm tôi số điện thoại của thầy ấy.

- Trong trường có hai thầy tên Tân, bạn của ông dạy môn gì?

- Anh ấy dạy Vật lí.

- Tưởng ông nhờ chuyện gì khó, các thầy trong ấy vẫn thường uống cà phê ở đây. Sáng mai chắc có thầy ra quán, tôi sẽ hỏi hộ ông.

Đã nhập số điện thoại của Tân mà bao nhiêu lần mở máy, Tính lại tắt đi. Rồi như đã quyết định, lần này ông gọi:

- A lô! có phải anh Tân đấy không? Tôi là Tính, tôi muốn gặp anh và có việc muốn nhờ anh giúp.

Từ máy bên kia:

- Xin lỗi! Tính nào nhỉ, tôi không quen ông. Có việc gì mời ông vào trường cấp ba. Sáng nay tôi có giờ dạy, chúng ta sẽ gặp nhau.

- Cảm phiền anh, tôi không thể vào trường được. Anh ra khách sạn Hoàng Nguyên, tôi ở phòng 302. Tôi có việc thiết tha muốn nhờ anh giúp.

Dẫu không quen biết, nhưng người ta đã nhờ khẩn thiết vậy nên hết giờ dạy, Tân cuốc bộ sang khách sạn. Anh vừa đi, vừa lục lọi trong trí nhớ: Tính là ai, sao lại không vào trường gặp mình?...

Cửa phòng 302 khép hờ. Tính đang chờ Tân. Bước vào phòng, Tân gặp ngay một người lạ hoắc, không thể biết được ông ấy là ai. Dáng đi hơi lệch về bên trái, vì cánh tay phải không còn. Mái tóc xoắn tít trùm lấy đầu. Bộ ria mép rậm rì, gần như che kín cái miệng. Với giọng nói Nam Bộ khàn khàn, Tính vừa giới thiệu, vừa mời Tân ngồi xuống ghế:

- Anh ngồi xuống đi. Đừng nhìn tôi chăm chăm như vậy. Anh không thể nhận ra tôi đâu. Ba bảy năm rồi, bình thường cũng khó nhận ra nhau, huống hồ tôi lại trong bộ dạng thế này. Tôi là Tính, quê ở xóm Vĩnh Yên, học cùng khoá với anh, nhập ngũ với anh một ngày hồi bảy hai. Anh còn nhớ nữa không?

Không thể là thằng Tính. Bộ dạng này không thể là Tính. Ngày đó, tóc nó có quăn đầu. Sao nó lại nói giọng Nam Bộ? Không thể chờ đợi được nữa, Tân sốt sắng:

- Ông là ai, ông nói thật đi? Ông cần gì ở tôi?

Tính đưa cánh tay còn lại lên lột mớ tóc giả ra, và giở bộ ria mép xuống, trước sự ngỡ ngàng của Tân. Trời đất! Đúng thằng Tính rồi. Nó là ma hay người, biệt tăm gần 40 năm rồi nay lại xuất hiện. Vì sao nó phải giả dạng như vậy? Giả dạng để làm gì? Nhận biết đúng mặt thằng Tính, máu trong người Tân bỗng chốc như muốn sôi lên. Vì nó, bao nhiêu năm nay anh phải sống vật vờ trong những cơn đau. Vì nó, ba bảy năm trước đơn vị anh đã phải khôn đồn. Những thằng như nó sao không chết quách đi. Mà còn sống sao dám vác cái mặt đón hèn, phản bội về đây. Nó là kẻ thù, kẻ thù không thể đội trời chung.

Nhìn ánh mắt long lên rờn rợn, hai bàn tay nắm chặt lại của Tân, Tính sợ. Mặt hấn tái đi. Lấy lại bình tĩnh, Tính rót một cốc nước đưa cho Tân, một cốc cho mình. Uống trọn cốc nước, như một bản năng tự vệ của kẻ yếu

hèn, Tính quỳ xuống trước mặt Tân:

- Bình tĩnh đi Tân ơi. Chuyện đâu còn có đó. Vả lại, chuyện đã qua đi gần 40 năm rồi. Tôi quỳ xuống van lạy anh tha thứ. Biết là về đây gặp anh, anh thù, anh căm phẫn tôi là điều không thể tránh khỏi, nhưng tôi không còn ai khác để nhờ vả việc này. Tôi đang cần anh giúp đỡ.

Uống xong cốc nước, và trước những lời van lơn của Tính, lòng Tân đã dịu xuống. Những khi vết thương tái phát hành hạ, anh nghiêng rằng lại để cố quên đi hình ảnh của một kẻ phản bội, một kẻ đê hèn, vì nó mà anh phải sống trong đau đớn bao nhiêu năm nay. Trong chốc lát, quá khứ nhục nhã của một thằng bạn đã chôn chặt trong anh bao nhiêu năm rồi, nay đã ào về.

Ấy là mùa hè năm bảy hai. Trên dãy núi Sơn La, bom pháo nổ chát chúa, chớp giạt như giông bão đã gần chục ngày. Không một giây ngơi nghỉ tiếng nổ. Không tài nào phân biệt được đâu là tiếng súng của ta, đâu là tiếng nổ của địch. Ban ngày, nhìn lên ngọn núi thấy một màu đỏ quạch của đất rừng bị cày xới, trộn lẫn những làn khói đen kịt. Ban đêm nhìn lên ngọn núi, có cả trăm ngọn lửa từ những đám cháy bốc lên. Ánh lửa từ ngọn núi hắt lên, trên trời ánh sáng từ những chiếc pháo sáng ma quái hắt xuống, tất cả tạo nên một thứ ánh sáng nhập nhoè, quái dị. Hai bên giành giết dãy núi cả tuần rồi, chưa phân thắng bại. Chiều hôm ấy, đại đội của Tân lại tiếp tục tấn công lên đỉnh. Trận ấy thắng. Thương vong không nhiều, nhưng một trường hợp hi hữu đã xảy ra, đã có một tay chạy sang phía bên kia, đấy là thằng Tính. Hắn đã bị địch chiêu hồi.

Lúc đang đánh nhau, việc thằng Tính bị chiêu hồi mới chỉ là ngờ ngợ. Năm ngày sau, sự thể đã rõ ràng. Địch mở một trận tấn công mới. Lần này trận tấn công của chúng có quy mô lớn hơn. Sau những trận pháo kích dữ dội, hai thằng OV.10 quần lượn, xoi mói, rồi từ trên một chiếc, tiếng loa chiêu hồi phát ra những âm thanh nghe đến rợn người. Chúng đang gọi Việt cộng hạ súng đầu hàng, về với chính nghĩa quốc gia. Chúng gọi đúng tên Tiểu đoàn trưởng, tên Đại đội trưởng đơn vị Tân. Đúng là thằng Tính đã chạy theo địch. Tin tức phát ra từ chiếc OV.10 kia là do thằng Tính cung cấp.

Trận ấy, đại đội Tân lại bị đánh bật xuống, Tân bị thương nặng. Vì thằng Tính mà anh buộc phải rời quân ngũ từ sau trận đánh. Cứ mỗi lần nghĩ về nó, lòng anh lại sôi lên vì căm giận, vì thấy nhục nhã thay cho một thằng bạn đồng hương. Là sinh viên một lứa với nhau, hàng trăm đứa đã đứng vững nơi ác liệt nhất mùa hè năm ấy, tại sao nó đốn hèn đến vậy? Kẻ bạc nhược, kẻ hèn nhát, kẻ phản bội... Sao nó không chết đi, để đến bây giờ lại vác mặt về sục sạo trước mặt Tân?

Tính thấy Tân không nói gì, hắn cũng im lặng. Được giây lát, Tính vừa kể lể vừa van lơn, nài nỉ:

- Tân ơi, tha lỗi cho tôi. Ngày ấy, hôm tấn công lên đỉnh Sơn La, ác liệt quá, chỉ một phút chao đảo, vậy là...Tưởng sang bên chúng nó, tôi không phải ra trận. Ai dè, ba tháng sau, tôi đã được trả giá. Chính pháo của chúng đã phạt đứt cánh tay của tôi, khi tôi chân chừ tụt lại phía sau trong một trận đánh, không dám cùng chúng nó lên đỉnh.

- Sao mày không chọn một con đường khác, như đào ngũ chẳng hạn?

- Anh xem, đào ngũ rồi đi đâu, về đâu.

- Rồi sau đó mày đi đâu?

Thằng Tính thấy Tân đã dịu lại, hắn bộc bạch hết quãng đời chui lủi 37

năm qua. Điều trị xong vết thương, hắn trở thành thương phế binh. Không còn con đường nào khác, hắn lặn biệt tăm vào tận miệt Nam Bộ sinh sống. Giải phóng rồi, nỗi sợ hãi nhất của hắn là gặp người quen. Sau vài năm giải phóng, trời đất run rủi, hắn biết Tân vào dạy ở trường sư phạm cùng tỉnh. Cách nhau có dăm bảy cây số mà hắn không dám tìm gặp Tân. Cứ mỗi lần có việc lên thị xã là hắn lại hoá trang y như ra sân khấu. Hắn lần mò tin tức gia đình, bà con ở quê. Cha chết, hắn không về được để thắp cho người đã nuôi nấng mình một nén nhang. Từ ngày cha chết, mẹ hắn cũng suy sụp theo. Hắn biết, tất cả hắn biết nhưng không dám về. Và bây giờ, khi đã sắp bước vào tuổi lục tuần, nhớ quê, nhớ cha mẹ, nhớ em...đến còn cào, đánh liều hắn đã mò về.

Cũng lí thú đây. Tân chăm chú nghe hắn kể. Chăm chú nghe để xem cuộc sống chui lủi của một tên phản bội như thế nào, để xem 37 năm qua hắn sống ra sao. Tính ngừng kể, mắt nhìn qua cửa sổ, xa xăm về một cõi nào đó. Tân hỏi:

- Thế ra đây rồi, sao mày không về luôn dưới đó.

- Tôi không dám về. Muốn có ai đó cùng đi với mình cho đỡ sợ. Bao nhiêu năm qua tôi vẫn biết tin tức của anh. Ngày anh còn dạy trong đó, đã mấy lần tôi định đánh liều đến gặp anh, nhưng đi rồi tôi lại quay về. Ngày anh chuyển ra ngoài này, tôi thấy hụt hẫng.

- Thế bây giờ mày cần gì ở tao?

- Bao nhiêu năm tích góp được một ít tiền, tôi muốn về thăm bà cụ, đưa cho bà tiền để dưỡng già. Tôi tính, tôi sẽ giả dạng một người xa lạ để về dưới đó. Về giây lát rồi tôi đi. Tôi muốn có anh cùng đi, thiết tha nhờ anh đi cùng tôi.

Sự thể đã diễn ra vậy rồi, bây giờ Tân có mắng, có chửi, có thù, có hận thì cũng vậy thôi. Tâm trạng ấy, dấu sao đã dần nguôi ngoai trong anh. Anh

bảo thẳng Tính cứ đàng hoàng mà về, về xin lỗi mẹ, xin lỗi bà con lỗi xóm để lấy đường mà trở về lần sau. Lẽ nào nhìn thấy mặt mẹ rồi lại ra đi biệt tăm lần nữa. Những điều Tân nói, Tính biết, nhưng Tính không sao vượt qua được cái rào cản của một kẻ đê hèn, phản bội. Biết đâu mẹ anh, chú bác, bà con lại tổng cổ anh ra khỏi nhà. Nếu vậy, anh thấy càng đau khổ hơn, nhục nhã hơn.

Thôi được, ý Tính đã vậy, Tân chiều. Tân và Tính cùng một xã. Thỉnh thoảng về quê, Tân vẫn qua lại thăm gia đình Tính. Bà cụ mẹ Tính, bao nhiêu năm mòn mỏi trông tin con, trong thân tâm bà, linh tính mách bảo, Tính còn sống. Nghĩ mà thương bà cụ, một mình vò vố. Ở một góc nào đấy mà nhìn, nghĩ cũng tội cho Tính. Một vở kịch trở về của Tính được dàn dựng vội, người thủ vai chính là Tính.

Chiều ấy, ngồi sau xe Tân, lòng Tính nôn nao. Tính len lén nhìn sang hai bên phố. Cái thị xã nghèo ngày nào giờ đây đã thay da, đổi thịt. San sát nhà cao tầng. Nhộn nhịp, ngược xuôi đủ các loại xe trên đường phố. Cái đầu chụp mớ tóc giả lên rồi, hàng ria giả gắn chặt vào rồi, đôi mắt đã có chiếc kính đen che kín rồi, vậy mà Tính vẫn ngỡ như có người đã phát hiện ra anh. Con đường về làng đã hiện ra trước mắt. Nó không còn lầy lội, trơn trượt như ngày Tính ra đi. Đường đã được rải nhựa bằng phẳng, thênh thang. Xa

xa, trong lũy tre quen thuộc kia là nhà anh. Những ai đang ở trong đó? Mẹ anh đang làm gì? Cô em gái lấy chồng về đâu? Mộ bố nằm ở đâu?... Bao nhiêu câu hỏi cứ dồn dập đến mà không sao trả lời được. Lát nữa thôi, vở kịch anh diễn có thành công hay không? Lỡ bị lộ, sẽ tính sao đây, chuyện gì sẽ diễn ra đây? Đã ôm choàng lấy Tân, úp mặt vào lưng Tân mà Tính vẫn thấy run, thấy sợ.

Ba bảy năm rồi, căn nhà lá tênh toàng nơi Tính chào đời và lớn lên vẫn vậy. Có khác chẳng, mái rạ xù xì đã được thay bằng mái ngói. Cũng vừa mới đây thôi, ngói còn vàng óng. Cây bưởi đầu hồi vẫn đấy, nó đã cao vượt lên, xum xuê che lấp cả một phần ngôi nhà nhỏ nhoi. Trong nhà, nghe có tiếng người đàn ông và tiếng dăm ba người đàn bà. Tính chột dạ, đứng sững lại trước hiên. Tân đằng hắng một tiếng rõ to và đẩy Tính vào.

Thấy có khách lạ, mọi người đứng dậy. Tính đảo mắt một lượt quanh nhà. Trên chiếc giường gỗ sẫm đen, bà Mịch - mẹ Tính đang nằm nghiêng, quay mặt vào tường. Trên chiếc bàn kê giữa nhà có mấy hộp sữa, gói đường và mấy quả cam. Tính nhận biết nhanh một số người. Người đàn ông kia là cậu Minh. Người đàn bà, có mái tóc bạc kia là dì Nguyệt... Ông Minh đứng ra bắt tay Tân:

- Chào thầy Tân. Thầy từ trên đó về lâu chưa?

- Dạ thưa, về hồi... sáng. Đây là bạn của tôi, anh ấy ở trong Nam ra.

Nghe tin bà cụ đang ốm nặng, chúng tôi sang thăm bà.

Nãy giờ, bà Mịch nằm quay lưng ra ngoài, bà vẫn tỉnh. Nghe thầy Tân giới thiệu có người từ trong Nam ra, bà chống tay uể oải ngồi dậy. Nhanh tay, Tính đỡ bà ngồi lên mép giường, rồi ngồi sát bên cạnh bà. Mắt Tính đang nhoè đi vì quá xúc động, cổ họng nghẹn cứng lại không sao nói nên lời. Tim đang co thắt nỗi đau của một đứa con bất hiếu. Ba bảy năm rồi, ngày ra

đi mẹ còn trẻ, còn khoẻ. Phiêu bạt ngàn ấy năm, Tính như kẻ lạc loài. Bây giờ trở về, trong bộ dạng của một kẻ giấu mặt. Mẹ đây, cậu đây, bà con đây mà Tính không dám ngược mặt lên nhìn. Mắt bà Mịch bị mù, nhưng tai bà còn thính, đôi tay còn mạnh. Chẳng hiểu vì bản năng nhận biết của người mẹ, vì linh tính hay vì một lí do nào khác, bà ôm chầm lấy Tính và nức lên:

- Trời ơi! Thằng Tính. Bà con ơi, thằng Tính. Con ơi! Bao nhiêu năm nay con ở đâu? Vậy là con tôi còn sống. Ông ơi! Mòn mỏi bao nhiêu năm trông ngóng, khi thằng Tính về thì ông đã ra đi - Bà vừa khóc vừa sờ soạng khắp người Tính. Tiếng khóc của bà càng thống thiết hơn, khi đôi tay già nua dừng lại ở cánh tay cụt của Tính. Bà sờ lên mặt, lên đầu, xoa xoa mớ tóc xoắn. Bộ tóc giả lệch đi và tuột khỏi đầu. Tính từ chỗ bàng hoàng rồi toàn thân như cứng lại, miệng há hốc. Mồ hôi túa ra. Bộ ria giả ngấm mồ hôi đang chực rớt xuống. Tính vượt mồ hôi, bộ ria theo đó mà mà bị tụt đi. Tính gục đầu vào lòng mẹ, nước nở như đứa trẻ lên năm.

Nãy giờ mọi người đang sững sờ trước cảnh thương tâm của mẹ con Tính. Im lặng trong giây lát, rồi tiếng trầm trồ rộ lên. Vỡ kịch mà Tân vừa đạo diễn, vừa là diễn viên đã hạ màn. Hai diễn viên tồi, vỡ kịch thất bại. Đằng sau bức màn ấy, một người xa lạ đã lộ nguyên hình ông Tính bằng xương bằng thịt như thằng Tính trai trẻ gần bốn mươi năm về trước.

Tân ngồi đấy, lặng đi. Chiến tranh qua lâu lắm rồi, nhưng nỗi đau; và có khi là nỗi đắng cay, nhục nhã đâu đó đang đọng lại trên thân phận mỗi con người, ngàn ấy thời gian chưa đủ khoả lấp. Hơn ba mươi năm trong nghề sư phạm, anh đã giải quyết bao nhiêu tình huống, vậy mà tình huống này anh đành để nó cuốn theo tình mẫu tử. Tình cảm thiêng liêng ấy làm sao che lấp được. Nước mắt người mẹ dành cho con, bao giờ cũng là nước mắt từ lòng nhân hậu. Ráng chiều tưởng sẽ tắt nhanh, nhưng lại đang loang

loáng, vàng rực trên cánh đồng trước ngõ.

Hà Tĩnh, tháng 7/2000

Lê Văn

Tản mạn 3 ngày tết

Những cái tết lần lượt đến rồi qua đi. Lại một tết nữa sắp qua đi. Ngoài kia mưa xuân lất phất bay. Trời se lạnh. Ồ nhỉ, trời chẳng bao giờ quên bổn phận làm trời. Hết một vòng quay 365 ngày, rồi tết lại đến. Và rồi lại tiếp tục một vòng quay nữa. Cứ vậy, mãi mãi, không bao giờ ngưng nghỉ...

Với ta vẫn vậy. Có khác chăng là không mãi mãi. Hết một vòng quay của đất trời, cuộc đời ta đã khác rồi. Ngày còn bé, ta mong tết đến không khác mấy tâm trạng ngồi ngõ ngóng trông buổi chợ trưa của mẹ. Chỉ một miếng bánh nhỏ thôi, mà lòng ta rạo rực. Ta vạch lên tường 30 nét cuối cùng của năm. Rồi cứ vậy sốt sắng, nôn nao xoá dần đi từng gạch. Niềm vui chờ đón tết cứ đến dần, đến dần. Thời gian không dừng lại đâu, có điều nó bò như sên, như ốc.

Rồi tết đã đến. Ta có chiếc áo mới. Ta được ăn cơm no hơn với cá, với thịt. Ta không phải dắt trâu ra đồng trong cái rét da con trẻ. Ta thoả thích, vô

tur, hồn nhiên đắm mình trong hạnh phúc của tết. Giá cuộc đời cứ vậy, mãi mãi.

Thế hệ ta, đứa nào chẳng phải qua những cái tết trong chiến tranh. Nhiều đứa đã một thời đón tết ngoài mặt trận. Có lẽ, tết đến thì nhiều, mà đón tết ngoài mặt trận thì ít, nên mấy người giờ này nhớ đến những khoảnh khắc ấy. Tết đến không biết. Nói chẳng ai tin. Có đấy. Khi mà cuộc sống cứ quay cuồng với vất vả, bom đạn, với sốt rét rừng..., làm gì còn nhớ ngày, nhớ tháng. Hết năm, tết dừng đọng đến, rồi lặng lẽ chuôi đi. Ta đã mấy lần như vậy, vô tình với tết. Vô tình nhưng lại nhớ đời.

Tết đến để gia đình sum họp. Cha mẹ, anh em, chú cháu quây quần bên mâm cỗ tết. Vậy mà ta trong một thời gian không ngắn, chẳng được thế. Gần 20 năm ta đón tết xa xứ. Cũng mâm cỗ cúng tổ tiên trên chiếc ban thờ sơ sài đêm 30. Con trẻ thì háo hức, mà người lớn thì đang thả nỗi buồn về chốn quê nhà, vì đã bao nhiêu tết biệt biệt đất người.

Ta về quê cúng tết. Thẩn thơ đầu làng đến cuối xóm, ta muốn tìm lại hình ảnh tết xưa. Không còn nữa. Tất cả đã trôi vào dĩ vãng. Lũ con trẻ chẳng còn cái sân kho hợp tác để chơi ù, chơi đáo. Không gian tết của chúng giờ đây hình như chật hẹp hơn. Chúng đang chúm đầu vào quán nét kia. Trong đó có nhiều trò chơi hấp dẫn hơn trăm vạn lần trò chơi ngày ta còn bé. Trong túi chúng rinh rang tiền lì xì, đủ để chúng ngồi thâu đêm trong bảy ngày không đến trường.

Thú chơi tết của đám thanh niên cũng khác xưa rồi. Tết đến có đủ đầy bia rượu, có đủ đầy mỗi ngon để cầm chân họ. Tôi vào, họ như càng bốc hơn, tưởng sẽ có thêm người "gánh" họ.

Cái no đủ đến hầu hết với mọi nhà. Bếp lửa không còn đỏ rực suốt ba ngày tết. Khách đến nhà không còn mâm cao cỗ đầy. Cùng nhau li rượu chúc xuân, có khi lời chúc còn dang dở đã vội vã ra đi. Phải đi, để làm sao trong buổi, trong ngày khắp lượt hết làng trên, xóm dưới.

Điều làm ta thấy ấm lòng, đấy là nhìn những cây nêu sáng rực trước mỗi căn nhà. Cây nêu cao vút, sặc sỡ sắc màu. Mười nhà trồng nêu, có chẳng chỉ một biết là trồng theo tục xưa. Còn nữa, dựng cây nêu như sắm bức tranh tết. Biết hay không biết tục dựng nêu ngày tết, không sao. Chỉ biết rằng, nhìn vào xóm, vào làng ta thấy đẹp hơn, ấm cúng hơn, và cả sang trọng hơn, vậy là lòng ta ấm áp hơn, và cả lòng người ấm áp hơn.

Tết sắp qua rồi. Những chùm pháo sáng rực trời đêm giao thừa chỉ còn lại trong máy tính của ta. Ngoài kia mưa xuân vẫn lất phất phát bay. Cảnh người ngược xuôi đi chúc tết tuồng như đã thưa hơn. Máy cái khớp chân sưng tấy lên, làm ta bó gối. Mưa xuân đẹp với người, nhưng khổ với ta. Thời gian đang níu kéo, buộc ta chùng xuống.

Chẳng bù lại cái thời ta còn trai trẻ. Tết ơi, sao người nữ đứng đưng với ta, đứng đưng đến lạnh lòng!

Mùng 2 tết Canh Dần

Lê Văn

Xin đừng nhắc đến lời vĩnh biệt

Tôi chẳng nhớ nổi mình đã mấy lần sốt rét. Những cơn sốt cứ chực chờ, hễ lúc nào mình vất vả chống chọi với gian khổ khi nằm trên chột, khi ráng sức đi vận chuyển lương thực, vũ khí là sau đó nó ập đến. Một trăm thẳng ở rừng trong hoàn cảnh ấy là một trăm thẳng sốt.

Ấy là những ngày cuối bảy tư. Sốt sét tuồng như đã vắt kiệt sức lực của tôi và Điều. Ban đầu của một đợt sốt rét, có khi đang nằm trên chột trong căn hầm ẩm thấp, khi là gắng sức gửi một chuyến hàng từ kho hậu cần trung đoàn về, mệt quá nghỉ lại rồi thiếp đi ít phút...ta rùng mình thấy ớn lạnh. Vậy là bắt đầu rồi. Hai tiếng sau đó, chui tọt vào căn hầm ẩm ướt và giá lạnh như nhà mồ, tú lên người cơ man nào là chần, là mền, là bao bố... để mà run. Ngoài kia đất trời vẫn vùn xoay, đảo điên trong bom đạn ngút trời. Những cơn gió buốt lạnh như lưỡi dao vẫn mặc sức như muốn xé nát da thịt người lính. Bốn mùa, trên mình họ chỉ có hai bộ quần áo đổi thay. Người lính ở rừng không có khái niệm áo ấm, chăn bông. Trong này, tôi vẫn co quắp như một cái xác ướp khô, trong đống chăn mền của cả tiểu đội. Chẳng biết cái lạnh từ đâu đến mà nó làm tôi run giật bắn lên từng cơn, từng cơn. Lạnh từ ngoài kia thấm vào chăng? Không phải! Cửa hầm đã được ai đó treo

mảnh bao bố chắn lại rồi. Trên cái sạp bằng những thanh nứa đập dập đã được lót ít cỏ khô. Tôi co lại hết cỡ rồi trong mớ vải lòng nhùng của dễ đến dăm bảy cái chăn nhàu nhĩ. Rét từ trong người toả ra chẳng? Không phải! Người tôi đang nóng sôi lên như muốn bốc cháy đây này. Bên ngoài da là cái lạnh như cắt da xẻo thịt, bên trong ruột gan lại như lửa đốt. Trời ơi! Xin đừng kéo dài tình trạng này, sốt ác tính sẽ ập đến mang tôi đi về với anh tôi.

Có bước chân đến vội. Cửa hầm sáng lờ mờ khi có người vén chiếc bao bố ảm mốc lên. Anh Đệ - y tá của đơn vị lom khom chui vào. Tôi vẫn tỉnh trong cơn sốt điên loạn, vẫn nghe rõ tiếng găt gong của anh ta:

- Ngồi dậy để uống thuốc và tiêm này bố. Một năm, không biết bao nhiêu lần tao phải hầu mày. Rõ khổ!

Tôi biết tính anh ấy. Chửi là chửi vậy, nhưng anh ta tận tình với lính như anh trai cả trong nhà. Đặc biệt là tôi và Điều. Có lẽ anh thương tôi và nó nhất, vì hai đứa yếu quá. 99 lần hành quân là 99 lần anh phải lẻo đẻo theo tôi và Điều để kè hai đứa cùng đi. Chưa có một lần nào tôi và hắn đi cùng đơn vị về nơi đóng quân đúng giờ.

Anh ta mở cái túi vải bạt đựng đồ nghề châm chọc, cắt tỉa của mình nghe loảng xoảng tiếng xi ranh, dao kéo như chọc buốt vào tim. Tôi quen cảnh này lắm rồi, nhưng vẫn thấy gai gai. Tụt cái quần hôi mù xuống, nằm sấp đợi những mũi kim chuẩn bị cắm sâu vào mông để bơm vào một thứ thuốc mùi ngái như nước đái, sền sệt như dầu ăn.

- Yên nào! Lần này tao chọc cho mày hai phát luôn thể. Nhiều nhiều cho mau cắt cơn đẻ ra mà thay cho chúng nó. Mày mần đây sướng tổ mẹ. Ngoài kia thằng Điều lại lên cơn rồi đấy.

Miệng anh ta huyền thuyên, để cái tay anh phup một phát kim tiêm to tổ bố vào mông tôi. Buốt đau tê dại. Tôi quằn quại như một con giun bị dầy

xéo.

- Yên nào! Còn phát nữa, đưa cánh tay ra. Phát này êm ru à.

Chẳng biết là phát thuốc gì nhưng êm ru thiệt. Chắc lại B12 chứ gì. B12, tưởng quý hoá lắm. Nó là thuốc bổ tổng hợp đấy. Nhìn cái màu hồng hồng, có mùi thơm thơm, lính cứ tưởng quý lắm, bổ lắm. Lừa nhau cả ấy mà.

Trong người tôi mà vất ra chắc được cả lít, có nhằm nhò gì đâu. Thuốc có khi chỉ là an thần, đánh lừa cảm giác con người ta mà thôi. Thằng Điều tuần trước vì quá sức, nước da tái nhợt như da nhái, đang đào hầm rồi ngất xỉu. Y tá chọc cho một phát B12, cho mấy viên thuốc B1, mấy giờ sau tỉnh, lại cảm xẽng đào tiếp. Có mà thuốc tiên mới hay được vậy. Xong mấy thao tác nghề nghiệp quen thuộc ấy rồi, anh lại hỏi chiếu lệ. Chiếu lệ bởi biết tôi sẽ chẳng ăn uống gì sau cơn sốt.

- Trưa nay cơm hay cháo?

- Nuốt sao nổi hử anh.

Cứ mỗi lần lên cơn sốt là tôi bỏ cơm, bỏ cháo. Miệng đắng nghét, tựa hồ như lúc nào cũng ngậm kí ninh. Cổ họng như đã teo lại vì khát nước. Chẳng biết là khi sốt, cần bao nhiêu nước cho đủ. Mấy cái bi đông chúng nó vớt lại lơ lơ, lỏng lỏng ở góc hầm. Sạch bách, khô rang. Tôi bò ra cửa hầm, leo lên móc hầm. Trên đó có cái chiếc tăng ni lông che cho hầm khỏi ướt. Cuối góc chiếc tăng là một tùm nước mưa trong vắt. Tôi vục đầu vào tùm nước đó mà tu cho đầy cái bụng đang rỗng tuếch. Lại trườn vào.

Chừng một tiếng lên cơn rồi dứt. Bụng chẳng thấy đói, nhưng miệng cứ thèm cái gì đó chua chua, y như đàn bà ốm ghen vậy. Ấy là nghe người ta kể vậy, chứ đã có vợ con đâu mà biết ốm ghen thèm cái gì. Ra cửa hầm ngồi. Ngồi để mà đợi xem có thằng nào về kiểm cho mớ rau chua hoặc vài ba quả sấu xanh. Chẳng có ai cả. Chúng nó ở trên chót hết. Mùa đông về,

khu rừng sũng nước. Một cơn gió ào qua. Nước từ những cành cây vãi xuống té vào mặt, lạnh buốt như dao cắt.

Thằng Điều ở trên chốt lâu lắm rồi, chẳng nhớ là đã mấy ngày. Trên đó ngày đêm bom đạn vẫn thi nhau trút xuống. Mùa khô ác liệt hơn, nhưng trời tạnh ráo còn đỡ. Mùa mưa đến, ở trên chốt trăm thứ cực khổ. Những căn hầm ẩm thấp, ướt át. Khi mưa lớn, thằng thức mức nước trong hầm để cho thằng ngủ khỏi ướt. Ngoài hầm, những cơn gió lạnh cứ reo réo rượt đuổi nhau, rồi tát vào mặt người lính buốt lạnh, chẳng chút thương tình. Tuần trước tôi phải xuống chốt vì sốt cao. Mấy ngày sau, đến lượt nó. Sốt còn nhẹ, chưa có người thay, nó chưa về. Nó yếu sức nhưng lại gan lì trước bom đạn. Thế nhưng, sốt rét chẳng có thằng nào qua mặt được.

Dăm ngày sau vẫn không cắt sốt, tôi vẫn ngồi thu lu trước cửa hầm như một con cóc cụ. Dưới dốc, một cái thân gầy gò đang còng lưng uể oải bật lên như một con sâu đo. Phía sau con sâu ấy là cái dáng lòng không, lèo khoèo của anh y tá thân quen. Anh Đệ đã đưa Điều từ trên chốt về. Hằng ngày nó nhanh nhẹn vậy, thế mà giờ đây nhìn hẩn như kẻ mất hồn. Cái môi thâm sì. Mớ tóc rẽ tre cẩu bần, dựng ngược tua tủa. Quần áo sộc xệch, lòi thoi như vừa đánh nhau với ai vậy. Thì nó cũng từ trên chốt về. Ở trên đó đã từng đánh nhau chứ sao.

Anh Đệ đã bó tay với hai thằng sốt. Chiều ấy theo lệnh đại đội, anh đưa chúng tôi về trạm xá trung đoàn. Từ tám giờ sáng, lê lét dễ đến 6 - 7 tiếng chúng tôi mới đến cái trạm xá quen thuộc. Quen thuộc vì mấy ai sau một mùa tác chiến không đến đây một vài lần, không vì sốt rét, thì cũng bị dính vài ba mảnh bom, mảnh pháo.

Ở lại trạm xá 2 ngày, hai đứa lại được dẫn lên bệnh viện quân khu. Bệnh viện tiền phương là nơi tụ hội của đủ thứ lính ốm đau, bệnh tật, què cụt từ mặt trận tràn về. Nắng chiều đông nhạt lạnh. Những chiếc ghế bằng thân cây ngoài sân chật ních lính. Kẻ choàng kín người chiếc vỏ chăn màu vàng úa, lồm khồm đi quanh sân như người già. Người thu lu trong chiếc màn cẩu bản, ngồi chồm hổm lặng lẽ trên ghế. Ở góc sân, quanh cái bàn có bốn chân bằng những thân cây như cổ tay, mặt bàn là tấm phen nửa đan sơ sài. Ở đó, tùm tùm năm bảy tay đang chơi tiến lên. Ai không hiểu, tưởng họ đang ẩu đả với nhau vì một việc gì đó to tát lắm. Cười có, gất gông có, chửi bậy có. Chỉ là không chịu “tiến lên” mà thôi.

Đêm nơi thâm sơn lạnh đến buốt thịt da. Cái bếp chất đầy củi đầu hôm đã tàn rồi. Tro bay lên đã phủ kín đầy giường, đầy sạp. Tôi và Điều nằm chung. Đêm nó không ngủ được, vì cái phen nửa cứ sột soạt nên tôi biết. Nó rên hùi hụi. Người nóng ran như cái lò than. Nó sốt vào ban đêm, còn tôi ban ngày. Hơn chục ngày rồi nó vẫn không cắt sốt, đang có chiều hướng nặng hơn. Tôi đã đỡ hơn nên có điều kiện chăm sóc nó. Sáng ấy, trời tạnh ráo. Tôi dìu Điều ra sân hong nắng. Nó vẹo xiêu không lê nổi bước qua cái bậc xuống sân. Ngày thường nó nói luôn mồm, ấy mà cả tuần nay cộng lại chưa đủ mười câu. Nắng mùa đông nơi rừng sâu chẳng đủ xua đi cái lạnh. Không ổn. Tôi lại dìu nó vào, đỡ nó nằm xuống sạp, túm hết chăn màn của hai đứa, rồi cẩn thận dèm lại cho kín người. Nó thều thào:

- Mày... nằm xuống cùng tao, lạnh quá tao chịu không nổi.

Vừa nói nó vừa lặn tìm trong túi áo cái gì đó, rồi cái môi thâm sì lại mấp máy:

- Tao nhờ mày việc này. Mày cầm lấy cái bút, cất giùm tao. Nếu còn sống, hãy về quê trao lại cho đứa em gái. Ngày tao nhập ngũ, con bé cứ đòi xin cái bút, tao không cho. Bây giờ thương nó quá mày ơi. Ngày mai tao đi

rồi...

- Bậy nào! Ít ngày nữa cắt sốt thôi mà. Cố lên Điều!

Nó lại thều thào:

- Không qua nổi mày ời. Đã có đứa nào sốt rét chuyển qua ác tính mà qua được đâu. Sáng qua, bác sĩ định chuyển tao đi tiếp. Tao mãi nỉ ông ấy xin được ở lại, ít nhất ở đây còn có mày.

Hai ngày sau đó, lúc thì Điều sốt miên man trong mê sảng, lúc quật quã trong điên loạn. Tôi nghĩ, chắc là nó đoán được số mệnh của mình, nên đã trao chiếc bút và trắng trời. Bác sĩ đã tiêm thuốc đặc trị sốt rét liều cao cho Điều. Hấn thiếp đi dễ hơn nửa ngày rồi tỉnh. Hấn kêu đói. Tôi mừng quá, chạy vội xuống nhà ăn kiếm cho nó tô cháo. Nó húp sột soạt được mấy miếng rồi nhăn mặt đẩy tô cháo ra. Vậy là qua cơn hiểm nghèo rồi. Mặt đã thấy tươi lại, nhưng miệng nó vẫn lải nhải cái điệp khúc “Ngày mai tao đi...”. Nó nói trong tỉnh táo nhưng nhiều lần quá nên tôi cứ tưởng như nó đang mê sảng. Cái bút tôi vẫn găm trên túi áo, chưa trả lại nó. Thì cũng chả vội, của đâu còn có đó. Mà thật ra đã có lần tôi trao lại, nó gạt đi:

- Mày tin tao đi. Linh tính đang mách bảo tao!

- Ôi dào, linh với chả tính. Nghe người ta nói sốt rét ác tính sẽ chết, nhưng tao và mày đã thấy thằng nào chết đâu nào.

Năm ngày tỉnh lại là năm ngày nó kể tôi nghe chuyện về bố mẹ nó, về em nó. Lâu nay có bao giờ nó đem chuyện gia đình ra kể với tôi đâu. Những đêm không sốt, nó nằm ôm choàng lấy tôi mà kể. Cái mùi ngai ngái của thuốc kí ninh từ người nó, từ người tôi toát ra khăm khét, hôi còn hơn cả khi đột. Người tôi mồ hôi túa ra những khi sốt, cứ nhờn nhờn. Người nó cũng vậy, đã bao nhiêu lần mồ hôi ướt rồi lại khô. Những cơn sốt đến với tôi cứ

thưa dần, rồi cắt hẳn. Dần dà, tôi bình phục lại. Còn hẳn...

Những đợt gió mùa đông bắc vẫn không ngớt tràn về. Cây rừng sưng nước, đứng lặng ngắt trong cái rét tái tê. Thịnh thoảng một cơn gió ào qua, cả rừng cây rừng mình rũ nước. Dưới kia, mấy cái thác vẫn ào ạt đổ xuống, tung bọt mù cả một khúc dài con suối. Trên này, lính sốt rét, đứa xo ro bên những bếp lửa. Những đứa khỏe hơn, tùm năm tùm bảy trên sạp chơi tú lơ khơ. Đứa thua nhiều, mang đầy mình nào ba lô, thắt lưng, dày dép. Đứa hề hã là đứa thắng đậm nhưng mặt cũng đầy vết nhọ than râu ria. Xa xăm về phía đông, bom đạn vẫn rền rĩ. Chớp giạt đỏ lựng một góc trời. Ít ngày nữa thôi, những thằng ngồi trên sạp kia lại khoác ba lô về dưới ấy. Rồi dưới ấy lại bổ sung tiếp lên đây những thằng sốt rét, những thằng đã dính vài ba mảnh bom pháo. Thằng cụt chân, gãy tay, mất mắt... không bao giờ ở lại lâu nơi bệnh viện tiền phương này. Chúng vĩnh viễn rời xa chiến trường. Và những thằng vĩnh viễn nằm lại ngoài mặt trận thì không bao giờ về đây.

Thằng Điều sốt ngày một dữ hơn. Khi lên đỉnh điểm cơn sốt, nó vật vã, lỏng lẻo như đứa tâm thần bị trói buộc. Chúng tôi gì chặt cái thân ốm o nó xuống giường để bác sĩ tiêm thuốc vào cái mông đã thâm sì vì những mũi kim. Nó kêu thét lên rồi ngất lịm đi. Không biết Điều đã kiệt sức, hay vì đã ngấm thuốc. Trong mê sảng, Điều lại gọi tên bố, tên mẹ và tên em gái. Chỉ có tôi nghe rõ câu cuối cùng nó nói với tôi, cứ nhỏ dần, nhỏ dần..."Ng...àỵ ma...mai... tao đi..."!

....Hết sức rồi Điều mẫn lạng đi trên chiếc giường cấp cứu sơ sài của bệnh viện, đôi mắt vàng ệch mở trôn trôn nhìn tôi. Không nói được nữa, nhưng bàn tay lạnh ngắt của Điều vẫn bấu chặt tay tôi. Khi ông bác sĩ rút cây kim tiêm ra, cởi cái ống nghe xuống, cũng là lúc bàn tay Điều buông ra. Tôi vuốt mắt cho Điều, khi mắt mình nhoè đi vì đau đớn.

Điều ơi! Trên chót, bom đạn là vậy mà mày vẫn trụ được. Về đây rồi, sao mày nỡ bỏ tao mà đi. Cái bút tao vẫn cất đây, rồi liệu em gái mày có nhận lại được không. Cái bút còn đây mà vĩnh viễn bố mẹ mày, em mày không bao giờ đọc được những dòng thư của mày gửi về. Thôi đừng nhắc nữa cái câu "Mày mai tao đi...".

Tôi ghen ngào tiếc Điều đi. Ở mặt trận, không có đám tang, không trống kèn, hương khói. Tôi làm lũi, nặng nề bước theo bốn anh lính trẻ đưa Điều ra mảnh đất bằng phẳng bên bờ con suối cạn. Quanh quẽ cái nghĩa trang nhỏ nơi thâm sơn, với mười lăm năm mồ nhỏ nhoi, Điều đã nằm đây. Xong nắm đất cuối cùng phủ lên mộ Điều, tôi lại làm lũi, nặng nề trở về cái sạp nửa hai đứa đã nằm. Ngậm ngùi tôi gói chiếc bút, cất sâu xuống đáy gùi, như chôn cất kỉ niệm đớn đau về một người bạn. Đêm mùa đông vẫn huu hắt, lạnh lẽo chuôi đi giữa dòng đời nghiệt ngã.

Hà Tĩnh, cuối tháng 11/2009

Nguồn: Tác giả / VNthquan - Thư viện Online
Được bạn: Thanh Vân đưa lên
vào ngày: 22 tháng 4 năm 2010